

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 4 tháng 12 năm 2019

ĐIỂM THI

PHẦN I.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 10, TẠI ĐẢNG BỘ THỊ XÃ PHỔ YÊN

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Triệu Hoài Bắc	1	62	7.0	Bảy	
2	Lê Thị Bảy	2	23	7.5	Bảy rưỡi	
3	Ngô Hải Biên	3	01	7.5	Bảy rưỡi	
4	Nguyễn Thị Bưởi	4	20	8.0	Tám	
5	Lê Văn Cương	5	42	7.0	Bảy	
6	Bùi Thị Dung	6	71	7.5	Bảy rưỡi	
7	Trần Thị Dung	7	33	7.0	Bảy	
8	Đào Việt Dũng	8	15	7.0	Bảy	
9	Dương Tiến Dũng	9	65	6.0	Sáu	
10	Lê Tiến Dũng	10	31	6.5	Sáu rưỡi	
11	Lê Đắc Đạt	11	25	6.0	Sáu	
12	Nguyễn Thị Diệp (A-1985)	12	05	7.5	Bảy rưỡi	
13	Nguyễn Thị Diệp (B-1978)	13	04	7.5	Bảy rưỡi	
14	Hà Văn Đồng	14	41	6.5	Sáu rưỡi	
15	Lê Thị Giang	15	17	7.0	Bảy	
16	Nguyễn Thị Hà	16	56	6.0	Sáu	
17	Dương Việt Hà	17	55	7.0	Bảy	
18	Hoàng Thúy Hồng Hà	18	49	7.5	Bảy rưỡi	
19	Lê Xuân Hằng	19	32	7.0	Bảy	
20	Nguyễn Thị Hằng	20	18	7.0	Bảy	
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	21	72	7.5	Bảy rưỡi	
22	Dương Thị Hoan	22	07	7.0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Đặng Thị Hoàn	23	08	7.5	Bảy rưỡi	
24	Bùi Thị Hồng	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
25	Hà Thị Hồng	25	16	8.0	Tám	
26	Nguyễn Thị Thu Hồng	24	29	7.5	Bảy rưỡi	
27	Nguyễn Quốc Hưng	26	06	7.0	Bảy	
28	Dương Thị Hương	27	13	8.0	Tám	
29	Nguyễn Thị Thu Hương A-1985	28	66	7.5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Thị Thu Hương B-1984	29	44	7.5	Bảy rưỡi	
31	Lê Thị Huyền	30	52	7.5	Bảy rưỡi	
32	Trần Thị Huyền	31	53	7.5	Bảy rưỡi	
33	Nguyễn Thị Lâm	32	22	7.5	Bảy rưỡi	
34	Nguyễn Thị Liên	33	43	7.5	Bảy rưỡi	
35	Phạm Quang Lưu	34	12	7.0	Bảy	
36	Nguyễn Thị Mai	35	14	7.5	Bảy rưỡi	
37	Đông Thị Mây	36	09	8.0	Tám	
38	Nguyễn Thị Na	37	70	7.5	Bảy rưỡi	
39	Dương Văn Nam	38	64	7.0	Bảy	
40	Đặng Thị Phương Nga	39	54	7.5	Bảy rưỡi	
41	Nguyễn Thị Bích Nga	40	63	7.5	Bảy rưỡi	
42	Nguyễn Thị Thanh Ngà	41	67	8.0	Tám	
43	Đinh Thủy Nguyên	42	69	8.0	Tám	
44	Nguyễn Chí Nhân	43	28	7.5	Bảy rưỡi	
45	Dương Thị Trang Nhung	44	19	8.0	Tám	
46	Nguyễn Thị Hồng Nhung	45	57	7.5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Hoàng Phương	46	60	7.5	Bảy rưỡi	
48	Trần Văn Quân	47	39	6.0	Sáu	
49	Luân Thị Quế	48	03	7.5	Bảy rưỡi	
50	Nguyễn Thị Quyên	49	46	7.5	Bảy rưỡi	
51	Nguyễn Thị Quỳnh	50	59	7.5	Bảy rưỡi	
52	Lê Minh Sơn	51	10	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Lê Văn Thanh	52	30	7.0	Bảy	
54	Trần Phương Thanh	53	61	7.5	Bảy rưỡi	
55	Dương Văn Thao	54	11	7.0	Bảy	
56	Nguyễn Thị Thắm	55	48	7.5	Bảy rưỡi	
57	Hà Đức Thịnh	56	45	7.5	Bảy rưỡi	
58	Lê Xuân Thọ	57	47	7.0	Bảy	
59	Nguyễn Thị Hạnh Thu	58	50	7.5	Bảy rưỡi	
60	Trần Văn Thu	59	35	7.5	Bảy rưỡi	
61	Lưu Thị Thư	60	36	8.0	Tám	
62	Lê Thái Thục	61	37	8.0	Tám	
63	Trần Đình Thúc	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
64	Đỗ Thị Thúy	62	38	7.5	Bảy rưỡi	
65	Hà Thị Thu Trang	63	40	8.0	Tám	
66	Hoàng Minh Tuấn	64	68	7.5	Bảy rưỡi	
67	Nguyễn Thị Anh Tuyết	65	34	7.5	Bảy rưỡi	
68	Dương Thị Tứ	66	24	7.5	Bảy rưỡi	
69	Nguyễn Thị Vân	67	26	7.5	Bảy rưỡi	
70	Nguyễn Xô Việt	68	58	7.0	Bảy	
71	Bùi Văn Vinh	69	02	8.0	Tám	
72	Lý Thanh Xuân	70	21	7.5	Bảy rưỡi	
73	Tạ Hồng Xuân	71	27	7.5	Bảy rưỡi	
74	Lưu Như Ý	72	51	7.0	Bảy	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Phúc Ái

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**

Vũ Mạnh Hà

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên